Tổng quan

BSC

Thứ sáu, ngày 18 tháng 3 năm 2022

Vietnam Daily Review

Thị trường tăng điểm, thanh khoản cải thiện

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 21/3/2022		•	
Tuần 21/3-25/3/2022		•	
Tháng 3/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường hôm nay tăng 7 điểm với thanh khoản cải thiện, tuy nhiên cả hai bóng nến trên dưới đều dài cho thấy sự lưỡng lự của nhà đầu tư. Sau phiên điều chỉnh hôm qua, nhóm cổ phiếu liên quan tới giá hàng hóa như Thép, Phân bón, Than, Dầu khí,… có một phiên giao dịch khá tích cực trong phiên ngày hôm nay. Đặc biệt trong buổi chiều, nhóm Ngân hàng, Bất động sản dẫn đầu đà tăng điểm, tuy nhiên lại hụt hơi về cuối phiên khiến VN-Index ngã ngửa trước thềm 1470. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 14/19 mã tăng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. Trong những phiên tới, thị trường có lẽ sẽ tiếp tục giằng co trong vùng 1470 – 1475 điểm.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Các nhà đầu tư hãy giao dịch thận trọng trong các phiên tới thiên về chiều mua HĐ ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 18/03/2022, phần lớn các chứng quyền vẫn phân hóa theo xu hướng đi ngang của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật (trang 3): LIG_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn:

• VN-Index +7.76 điểm, đóng cửa 1469.10 điểm. HNX-Index +5.04 điểm, đóng cửa 451.21 điểm.
• Kéo chỉ số tăng: VCB (+1.46), GAS (+1.44), FPT (+0.73), VHM (+0.66), HPG (+0.63).
• Kéo chỉ số giảm: SAB (-0.40), MSN (-0.38), SHB (-0.30), EIB (-0.26), VPB (-0.22).
• Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 22.303 tỷ đồng, tăng 13.23% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 24.227 tỷ đồng.
• Biên độ dao động 9.29 điểm. Thị trường có 228 mã tăng, 70 mã tham chiếu và 195 mã giảm.
• Giá trị bán ròng của khối ngoại: -213.28 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm MSN (-235.62 tỷ), VNM (-151.32 tỷ), VIC (-148.83 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 40.32 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1469.10**
Giá trị: 22302.78 tỷ 7.76 (0.53%)
Khối ngoại (ròng): -229.19 tỷ

HNX-INDEX **451.21**
Giá trị: 3165.43 tỷ 5.05 (1.13%)
Khối ngoại (ròng): 40.32 tỷ

UPCOM-INDEX **116.04**
Giá trị: 1324.21 tỷ 0.1 (0.09%)
Khối ngoại(ròng): 13.96 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	104.8	1.80%
Giá vàng	1,935	-0.40%
Tỷ giá USD/VND	22,864	-0.03%
Tỷ giá EUR/VND	25,301	-0.54%
Tỷ giá JPY/VND	19,230	-0.38%
LS liên NH 1 tháng	2.3%	7.94%
LS TPCP 5 năm	1.7%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
STB	277.8	MSN	-235.6
VJC	123.4	VNM	-151.3
VRE	109.1	VIC	-148.8
DPM	77.1	PDR	-86.2
KBC	64.3	VHC	-84.8

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

BSC

3/18/2022

Vietnam Daily Review

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 18/03

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	104.99	1.95%	-4.00%	16.40%	84.13%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	108.53	1.77%	-3.70%	17.30%	82.22%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	325.11	1.07%	-1.80%	15.70%	76.22%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1940.32	-0.13%	-2.40%	3.80%	13.62%		PNJ
Bạc	USD/ounce	25.33	-0.19%	-2.10%	7.40%	3.75%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1680.50	0.72%	0.30%	8.00%	41.55%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	1090.00	-0.73%	-1.50%	38.70%	72.60%		AFX
Sữa	USD /cwt	23.25	0.09%	-2.40%	0.20%	33.54%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	208.79	0.89%	0.20%	-5.40%		DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	18.69	0.70%	-2.10%	5.80%	24.02%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	216.10	-0.64%	-3.60%	-12.80%	55.92%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	10243.00	1.88%	1.20%	2.80%	13.11%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	777.31	0.60%	0.70%	3.10%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	806.60	1.02%	-0.30%	4.40%			
Nhôm	USD/ton	3384.50	3.87%	-1.30%	5.50%	52.73%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	130.55	2.93%	1.40%	16.30%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	231.95	-5.00%	-34.60%	32.50%	173.85%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Giá dầu Brent tăng 8.62 USD, tương đương 8.79%, lên 106.64 USD/thùng, mức tăng tính theo tỷ lệ phần trăm lớn nhất kể từ giữa năm 2020. Giá dầu Tây Texas Mỹ (WTI) cũng tăng 7.94 USD, tương đương 8.35% lên 102.98 USD/thùng, sau khi có lúc tăng hơn 9% lên trên 104 USD/thùng, kết thúc 3 phiên giảm liên tiếp trước đó.
• Giá dầu tăng trong phiên 17/3 do lo ngại tình trạng thiếu hụt nguồn cung dầu trong những tuần tới do các lệnh trừng phạt đối với Nga.

Giá vàng

• Giá vàng giao ngay kết thúc phiên tăng 0.8% lên 1,943.30 USD/ounce; vàng kỳ hạn tháng 4 tăng 1,8% lên 1,943.20 USD/ounce.
• Giá vàng tăng 1% trong phiên vừa qua do USD và lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ yếu đi, trong bối cảnh các nhà đầu tư thận trọng theo dõi diễn biến trong các cuộc đàm phán hòa bình giữa Nga và Ukraine.

Giá sắt thép

• Hợp đồng quặng sắt được giao dịch nhiều nhất, giao tháng 5, trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên của Trung Quốc đã kết thúc phiên giao dịch ban ngày tăng 4.7% lên 810 nhân dân tệ (127.61 USD)/tấn, sau khi có lúc tăng 5.9% trong phiên.
• Giá thép thanh vằn trên Sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải tăng 1.7%, trong khi thép cuộn cán nóng tăng 1.3%, nhưng thép không gỉ giảm 1.5% do giá nickel hạ nhiệt.

Giá cao su

• Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 8 trên sàn Osaka kết thúc phiên tăng 0.5 yên, tương đương 0.2%, lên 245.2 yên (2.06 USD)/kg. Hợp đồng cao su giao tháng 5 trên sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải giảm 15 nhân dân tệ xuống còn 13,290 nhân dân tệ (2,093.54 USD)/tấn.
• Giá cao su trên thị trường Nhật Bản tiếp tục tăng do đồng yên yếu đi và chứng khoán toàn cầu mạnh lên trong khi xung đột ở Ukraine tiếp tục diễn ra, dù giá ở Thượng Hải giảm.

Giá nông sản

• Giá đường thô tăng 0.13 cent, tương đương 0.7%, lên 18.69 cent/lb. Giá đường trắng giao tháng 5 cũng tăng 3.40 USD hay 0.7% lên 526.00 USD/tấn.

	18/3	% 18/3	17/3	% 17/3	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1469.10	0.53%	1461.34	0.14%	0.17%	-1.54%
S&P 500			4411.67	1.23%	3.57%	0.23%
HĐTL S&P500	4386.25	-0.36%	4402.00	1.21%	4.62%	-1.63%
Shang- hai	3251.07	1.12%	3215.04	1.40%	-1.77%	-6.20%
Euro Stoxx	3882.87	-0.06%	3885.32	-0.11%	5.32%	-6.15%

BSC

3/18/2022

Vietnam Daily Review

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

LIG_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:
- Xu hướng hiện tại: Tích cực
- Chỉ báo xu hướng MACD: MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: xu hướng tăng

Nhận định: LIG có một phiên tăng điểm tốt khi hình thành mẫu hình nến Marubozu gần như hoàn hảo cùng khối lượng tăng đột biến. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI cho thấy xu hướng tích cực. Đường giá cổ phiếu đã nằm trên đường MA20 và MA50, MA20 vẫn đang ở dưới MA50 và M100 nhưng đang có xu hướng cắt lên. Nhà đầu tư trung hạn có thể mở vị thế tại ngưỡng 16.0, chốt lãi tại ngưỡng 22.0 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng 14.0.

Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	7.14%
Công nghệ Thông tin	3.11%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.35%
Hóa chất	1.21%
Tài nguyên Cơ bản	1.17%
Xây dựng và Vật liệu	1.04%
Dầu khí	0.97%
Bất động sản	0.79%
Du lịch và Giải trí	0.71%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.48%
Ngân hàng	0.36%
Dịch vụ tài chính	0.33%
Bán lẻ	0.31%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.04%
Bảo hiểm	-0.15%
Y tế	-0.32%
Ô tô và phụ tùng	-0.42%
Truyền thông	-1.02%
Thực phẩm và đồ uống	-1.17%

Hình 1

HSX-Index Intraday

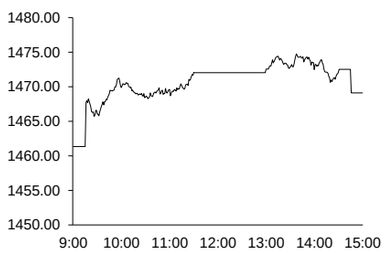

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday

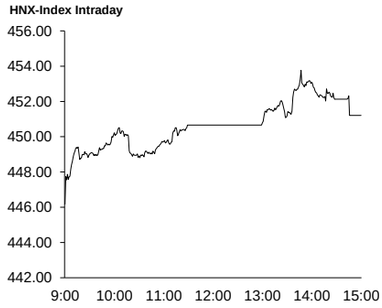

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
17/3/22	HQC	8.19	10.19	7.5	8.65	1	5.62%	Có thể tiếp tục mua
16/3/22	VTP	70	76	66	72.7	2	3.86%	Có thể tiếp tục mua
15/3/22	HBC	28.2	33	26	27.6	3	-2.13%	Có thể giữ nguyên vị thế
14/3/22	FCN	24.5	28.5	22.5	27.35	4	11.63%	Có thể tiếp tục mua
10/3/2022	ITD	16.9	20	15	17	8	0.59%	Có thể tiếp tục mua
3/3/2022	VSC	44.4	50.5	42.5	45	15	1.35%	Có thể giữ nguyên vị thế
28/2/22	HSG	38.35	46.9	35.2	37.85	18	-1.30%	Có thể giữ nguyên vị thế
24/2/22	PVB	23.5	28	21.5	23.3	22	-0.85%	Có thể giữ nguyên vị thế
23/2/22	PVT	24.8	31.8	23	25.8	23	4.03%	Có thể giữ nguyên vị thế
18/2/22	G36	19.8	25.2	17	20.3	28	2.53%	Có thể tiếp tục mua
15/2/22	PAC	38.5	41.25	36.5	37.5	31	-2.60%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/2/2022	HPG	45.55	55	42	46.5	38	2.09%	Có thể giữ nguyên vị thế

Chú thích: **(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt** **(**) Tiệm cận giá mục tiêu**

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
9/3/2022	HAX	35.95	41.4	33.5	SL	5	-6.82%
5/3/2022	ITC	19.1	22.7	17.5	SL	9	-8.38%
4/3/2022	DPG	69.3	82	63.9	TP	7	18.33%
1/3/2022	GVR	35.7	40.5	34	SL	13	-4.76%
25/2/22	VGT	27	33	25	SL	17	-7.41%
22/2/22	CTD	96.1	110	93	SL	8	-3.23%
21/2/22	HBC	28.9	35	27.1	SL	9	-6.23%
17/2/22	DGC	147	168	141.5	TP	8	14.29%
16/2/22	LCG	20.3	23.2	19.3	SL	9	-4.93%
14/2/22	ASM	16.1	18	15	TP	7	11.80%
10/2/2022	TVS	47.7	55.3	44	SL	32	-7.76%
9/2/2022	SMC	40.35	47.2	38.5	SL	5	-4.58%

Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất **TP - Đã chốt lời** **SL - Đã cắt lỗ** **FS - Đóng vị thế sớm**

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	8	4	3.96%	-1.72%	2.07%	17
Cổ phiếu đã chốt	238	185	7.73%	-7.27%	4.99%	24

BSC

3/18/2022

Vietnam Daily Review

Thị trường hợp đồng tương lai

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Hình 4

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday

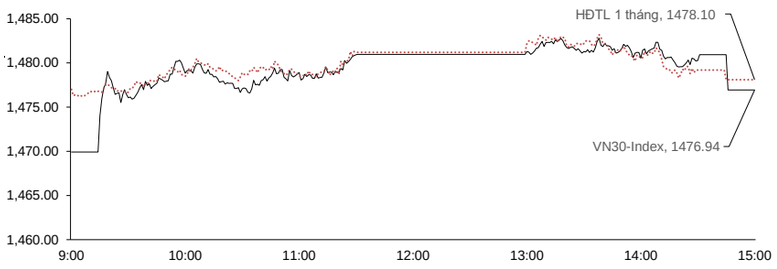

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
FPT	95.10	3.37	2.59
HPG	46.50	1.20	1.46
VJC	148.20	2.21	0.94
VCB	84.20	1.45	0.68
VHM	74.60	0.81	0.66

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2203	1469.90	-0.13%	-7.04	-5.3%	113,309	3/17/2022	0
VN30F2204	1478.10	0.21%	1.16	445.0%	103,666	4/21/2022	34
VN30F2206	1475.90	0.26%	-1.04	-9.1%	60	6/16/2022	90
VN30F2209	1476.90	0.31%	-0.04	126.7%	34	9/15/2022	181

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VPB	36.3	-0.55	-0.67
MSN	136.7	-0.94	-0.66
VNM	76.0	-0.52	-0.36
MBB	32.1	-0.47	-0.34
PDR	85.0	-1.62	-0.30

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 tăng 7.02 điểm lên 1476.94 điểm. Các cổ phiếu như FPT, HPG, VJC, VCB, VHM đã tác động tích cực đến vận động của VN30. VN30 duy trì xu hướng hồi phục nhẹ trong phiên giao dịch hôm nay và củng cố xu hướng vận động trong vùng 1470-1500 điểm. Thanh khoản vẫn đang nằm ở mức thấp, cho thấy xu hướng tăng vẫn cần phải kiểm tra.

• Các HĐTL đều tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, các HĐ đều tăng trừ VN30F2206. Xét về vị thế mở, các HĐ đều tăng. Điểm số tăng trong khi số lượng hợp đồng mở mới tăng cho thấy xu hướng vận động theo chiều long. Các nhà đầu tư hãy giao dịch thận trọng thiên về chiều mua HĐ ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CFPT2109	4/8/2022	21	8:1	533,100	22.29%	1,900	530	26.19%	77	6.86	100,000	96,000	95,100
CFPT2108	7/6/2022	110	6:1	641,900	22.29%	3,280	1,960	12.00%	131	14.91	111,935	106,835	95,100
CFPT2201	9/20/2022	186	8:1	371,800	22.29%	2,100	1,480	10.45%	249	5.94	126,480	106,000	95,100
CHPG2202	9/21/2022	187	10:1	1,408,600	33.51%	1,100	760	5.56%	205	3.70	67,688	53,888	46,500
CHPG2201	10/21/2022	217	10:1	1,371,800	33.51%	1,300	980	4.26%	369	2.65	51,166	49,666	46,500
CHPG2203	9/20/2022	186	4:1	1,191,300	33.51%	2,200	1,650	3.77%	663	2.49	54,980	51,500	46,500
CFPT2111	5/24/2022	67	5:1	98,800	22.29%	1,990	590	3.51%	62	9.50	107,050	106,000	95,100
CHDB2201	9/21/2022	187	5:1	88,200	37.30%	1,500	1,020	2.00%	344	2.96	34,749	30,999	27,600
CKDH2107	4/27/2022	40	8:1	167,000	34.98%	1,300	1,160	1.75%	855	1.36	48,448	43,888	51,000
CKDH2201	10/5/2022	201	8:1	159,100	34.98%	1,500	990	1.02%	258	3.83	80,978	61,618	51,000
CHPG2119	5/24/2022	67	2:1	74,600	33.51%	3,380	1,800	0.56%	304	5.92	54,200	53,000	46,500
CHPG2114	4/27/2022	40	10:1	1,687,900	33.51%	1,200	200	0.00%	6	31.42	71,089	56,789	46,500
CHPG2116	7/6/2022	110	4:1	2,300	33.51%	2,830	1,200	0.00%	68	17.61	64,890	61,410	46,500
CACB2201	9/20/2022	186	4:1	71,200	28.29%	1,500	1,130	-1.74%	457	2.48	47,980	35,500	32,800
CMBB2109	5/4/2022	47	5:1	17,100	30.31%	1,100	670	-2.90%	195	3.44	70,289	32,789	32,100
CMBB2107	4/8/2022	21	2:1	599,800	30.31%	2,200	1,530	-6.13%	1,007	1.52	42,520	30,000	32,100
CHPG2118	5/4/2022	47	5:1	46,100	33.51%	2,000	270	-6.90%	3	95.55	66,499	61,999	46,500
CHPG2117	7/1/2022	105	5:1	909,700	33.51%	2,320	530	-7.02%	65	8.21	60,600	60,000	46,500
CHDB2103	4/27/2022	40	8:1	41,200	37.30%	1,000	420	-8.70%	88	4.75	40,728	28,888	27,600
CACB2103	5/24/2022	67	1:1	20,800	28.29%	3,700	1,240	-8.82%	368	3.37	39,440	37,000	32,800
			Tổng	**8,969,200**	**31.58%****								

Chú thích: ***Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất***
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
****Trung bình độ lệch chuẩn***
CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
**Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes*

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 18/03/2022, phần lớn các chứng quyền vẫn phân hóa theo xu hướng đi ngang của cổ phiếu cơ sở.

• CACB2102 và CVRE2201 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 268.98% và 42.86%. Giá trị giao dịch tăng 12.79%. CVRE2201 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 13.63%% thị trường.

• CMWG2104, CVJC2103, CPNJ2201, và CVPB2111 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CMWG2114, CVRE2201, CVRE2110 và CMBB2109 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2104, CMSN2104, và CTPB2101 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	131.6	0.6%	0.6	4,079	4.5	6,936	19.0	4.6	49.0%	27.3%
PNJ	Bán lẻ	103.5	0.5%	0.7	1,023	3.1	4,526	22.9	3.9	48.5%	18.3%
BVH	Bảo hiểm	56.1	-0.2%	1.3	1,811	2.0	2,501	22.4	2.0	26.4%	9.0%
PVI	Bảo hiểm	49.7	-0.4%	0.5	506	0.1	3,543	14.0	1.5	57.9%	10.9%
VIC	Bất động sản	78.8	0.5%	0.6	13,067	18.8	(759)	N/A	N/A	3.0	12.7%	-3.1%
VRE	Bất động sản	33.0	2.3%	1.1	3,260	9.7	578	57.0	2.4	30.0%	4.4%
VHM	Bất động sản	74.6	0.8%	1.1	14,123	24.2	9,048	8.2	2.5	23.8%	36.4%
DXG	Bất động sản	41.9	0.7%	1.3	1,094	18.4	1,942		2.8	30.2%	15.5%
SSI	Chứng khoán	43.8	0.0%	1.6	1,891	15.0	2,768	15.8	3.0	37.9%	22.5%
VCI	Chứng khoán	58.5	-0.7%	1.0	847	6.1	4,512	13.0	3.0	20.4%	27.1%
HCM	Chứng khoán	35.3	-0.3%	1.6	702	3.8	2,805	12.6	2.2	43.2%	19.5%
FPT	Công nghệ	95.1	3.4%	1.0	3,753	11.7	4,792	19.8	4.8	49.0%	25.8%
FOX	Công nghệ	73.5	0.7%	0.4	1,049	0.1	4,304	17.1	5.1	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	108.9	2.7%	1.2	9,062	2.8	4,381	24.9	4.1	2.8%	17.4%
PLX	Dầu khí	55.9	0.2%	1.5	3,088	3.7	2,337	23.9	2.8	17.1%	12.3%
PVS	Dầu khí	34.8	2.4%	1.7	723	13.6	1,260	27.6	1.4	8.9%	5.0%
BSR	Dầu khí	26.4	2.7%	0.8	3,559	8.3	(909)		2.6	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	108.8	-0.2%	0.3	618	0.1	5,720	19.0	3.8	54.2%	20.3%
DPM	Hóa chất	62.5	3.3%	0.9	1,063	18.0	7,914	7.9	2.3	9.5%	33.5%
DCM	Hóa chất	42.4	3.9%	0.7	976	10.7	3,313	12.8	3.0	6.9%	25.3%
VCB	Ngân hàng	84.2	1.4%	1.0	17,325	5.1	5,005	16.8	3.6	23.7%	21.4%
BID	Ngân hàng	43.9	0.9%	1.2	9,655	5.3	2,090	21.0	2.7	16.8%	13.2%
CTG	Ngân hàng	32.8	0.3%	1.5	6,853	6.0	2,940	11.2	1.7	25.7%	15.9%
VPB	Ngân hàng	36.3	-0.5%	1.2	7,006	15.0	2,667	13.6	2.1	17.5%	18.0%
MBB	Ngân hàng	32.1	-0.5%	1.2	5,273	13.9	3,362	9.5	2.0	23.2%	23.6%
ACB	Ngân hàng	32.8	0.0%	1.1	3,853	3.7	3,554	9.2	2.0	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	59.2	-1.2%	0.6	211	0.1	2,618	22.6	2.1	85.2%	9.0%
NTP	Nhựa	59.8	-0.3%	0.4	306	0.2	3,951	15.1	2.6	17.9%	17.6%
MSR	Tài nguyên	30.0	-2.3%	1.1	1,434	1.1	39	769.2	2.4	10.1%	0.3%
HPG	Thép	46.5	1.2%	1.2	9,043	35.8	7,708	6.0	2.3	22.3%	46.1%
HSG	Thép	37.9	3.3%	1.4	812	21.6	8,581	4.4	1.7	7.2%	45.9%
VNM	Tiêu dùng	76.0	-0.5%	0.6	6,906	14.0	4,518	16.8	4.8	54.2%	29.3%
SAB	Tiêu dùng	151.5	-1.6%	0.8	4,224	1.6	5,663	26.8	4.6	62.6%	17.9%
MSN	Tiêu dùng	136.7	-0.9%	1.0	7,016	15.3	7,257	18.8	4.9	28.5%	35.1%
SBT	Tiêu dùng	23.0	-0.9%	1.3	629	4.3	1,135	20.3	1.7	7.6%	8.7%
ACV	Vận tải	88.6	-0.8%	0.8	8,386	0.1	577	153.6	5.1	3.7%	3.4%
VJC	Vận tải	148.2	2.2%	1.1	3,490	15.4	2,271		4.7	16.7%	7.7%
HVN	Vận tải	25.4	-1.0%	1.7	2,441	2.8	(6,523)		23.5	6.1%	-267.4%
GMD	Vận tải	53.9	1.7%	1.0	706	6.1	1,846	29.2	2.6	42.6%	9.1%
PVT	Vận tải	25.8	0.0%	1.3	363	5.1	2,066	12.5	1.6	10.0%	13.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	106.4	-0.9%	0.7	740	0.5	10,538	10.1	3.5	3.7%	40.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	50.9	0.6%	0.3	992	0.7	2,729	18.6	3.2	3.9%	18.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	23.8	-2.5%	1.0	395	3.1	966	24.6	1.8	1.9%	7.0%
CTD	Xây dựng	87.0	-0.2%	1.0	279	1.7	310	280.2	0.8	45.7%	0.3%
CII	Xây dựng	30.9	1.0%	1.0	325	6.9	(1,398)	N/A	N/A	1.5	10.5%	-6.9%
REE	Điện	71.8	0.0%	-1.4	965	0.8	6,002	12.0	1.7	49.0%	15.0%
PC1	Điện	43.1	1.8%	-0.4	440	4.7	2,997	14.4	2.2	5.2%	15.9%
POW	Điện	16.1	-1.2%	0.6	1,639	8.1	759	21.2	1.3	2.1%	6.1%
NT2	Điện	22.8	0.9%	0.6	285	0.3	1,778	12.8	1.5	13.7%	12.0%
KBC	Khu công nghiệp	53.1	0.4%	1.2	1,315	12.7	1,593	33.3	2.2	18.0%	6.7%
BCM	Khu công nghiệp	76.0	3%	1.0	3,420	1.0			5.0	2.6%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	84.20	1.45	1.46	1.41MLN
GAS	108.90	2.74	1.42	601000
FPT	95.10	3.37	0.72	2.82MLN
VHM	74.60	0.81	0.67	7.41MLN
HPG	46.50	1.20	0.63	17.73MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	33.00	6.45	1.93	130700.00
HUT	46.70	9.88	1.84	5.40MLN
IDC	71.70	3.31	0.89	3.66MLN
CEO	70.00	2.19	0.50	7.47MLN
PVS	34.80	2.35	0.33	8.93MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
SAB	0.00	-0.41	240200	1.11MLN
MSN	0.00	-0.39	2.55MLN	607060
SHB	0.00	-0.31	10.86MLN	373600
EIB	0.00	-0.27	280800	192700
VPB	0.00	-0.23	9.47MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
THD	168.00	-1.87	-1.44	494200
VC3	55.00	-1.96	-0.06	340500
VCS	106.40	-0.93	-0.06	99800
BCC	23.50	-3.29	-0.05	1.42MLN
SJE	24.40	-5.79	-0.04	4000

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVT	20.65	6.99	0.03	375900.00
HTN	52.20	6.97	0.08	1.39MLN
FDC	35.35	6.96	0.02	129700
SFI	77.40	6.91	0.02	44300
PIT	12.40	6.90	0.00	105400

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DNC	69.30	10.0	0.01	100
KDM	12.10	10.0	0.01	329600
VC9	18.70	10.0	0.02	1.08MLN
VGP	27.50	10.0	0.03	3400
DNM	49.60	10.0	0.02	66700.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
RDP	17.85	-6.79	-0.02	519100
LAF	20.30	-5.80	-0.01	4700
PTC	55.30	-5.63	-0.02	1.15MLN
DTA	22.00	-4.35	-0.01	71600
APH	25.80	-3.37	-0.06	4.57MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CAN	54.00	-10.00	-0.02	1200
VE3	9.90	-10.00	0.00	50400
SDN	45.60	-8.62	0.00	200
VNC	42.50	-7.61	-0.03	400
CTB	24.40	-6.15	-0.03	5500

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại

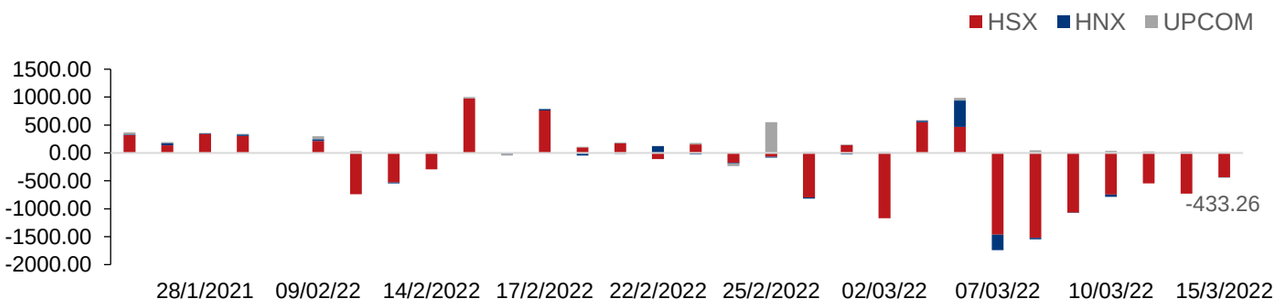

Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AGG	Bất động sản	Mua	19/05/21	62.1	N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
2	ANV	Thủy sản	Mua	27/06/21	32.4	38.7	39.8	1,006	39.6	2.2	Click
3	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	39.9	1,968	20.3	1.9	Click
4	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	26.4	-909	#N/A N/A	2.6	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	N/A	70.0	362	193.4	6.0	Click
6	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	87.0	310	280.2	0.8	Click
7	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	73.9	7,200	10.3	1.8	Click
8	DCM	Bán lẻ	Mua	1/4/21	17.5	21.1	42.4	3,313	12.8	3.0	Click
9	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	189.1	13,122	14.4	5.3	Click
10	DPG	Bất động sản	KQ	10/6/21	39.3	N/A	83.2	5,715	14.6	3.9	Click
11	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	33.5	2,448	13.7	2.2	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	10/5/21	23.4	30.2	41.9	1,942	21.6	2.8	Click
13	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	25.9	949	27.3	1.5	Click
14	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	17.0	1,454	11.7	0.7	Click
15	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	95.1	4,792	19.8	4.8	Click
16	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	108.9	4,381	24.9	4.1	Click
17	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	108.9	4,381	24.9	4.1	Click
18	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	33.4	3,134	10.7	2.3	Click
19	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	46.5	7,708	6.0	2.3	Click
20	HSG	VLXD	Theo dõi	14/5/21	37.4	47.8	37.9	8,581	4.4	1.7	Click
21	HUT	XD-BĐS	Theo dõi	20/5/21	6.5	7.6	46.7	157	297.9	4.2	Click
22	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	18.9	1,520	12.4	0.9	Click
23	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	18.9	1,520	12.4	0.9	Click
24	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	17.0	689	24.7	1.3	Click
25	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	51.0	1,833	27.8	3.2	Click
26	LHG	BĐS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	50.7	5,898	8.6	1.7	Click
27	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	79.6	8,820	9.0	2.8	Click
28	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	131.6	6,936	19.0	4.6	Click
29	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	46.2	10,793	4.3	1.8	Click
30	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	55.8	3,055	18.3	2.4	Click
31	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	22.8	1,778	12.8	1.5	Click
32	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	43.1	2,997	14.4	2.2	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	103.5	4,526	22.9	3.9	Click
34	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	103.5	4,526	22.9	3.9	Click
35	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	16.1	759	21.2	1.3	Click
36	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	49.7	3,543	14.0	1.5	Click
37	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	34.8	1,260	27.6	1.4	Click
38	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	35.9	4,085	8.8	3.2	Click
39	SMC	Bán lẻ	Mua	13/5/21	39.6	48.6	41.5	14,346	2.9	1.1	Click
40	SZC	BĐS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	73.9	3,013	24.5	5.0	Click
41	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	27.0	2,375	11.4	3.8	Click
42	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	25.1	570	44.0	2.0	Click
43	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	83.2	6,052	13.7	2.6	Click
44	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	76.0	4,518	16.8	4.8	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	33.0	578	57.0	2.4	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	45.0	3499.1	12.9	1.9	Click
47	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	28.7	1,646	17.4	1.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
2	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
4	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
5	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
6	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
7	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
8	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
9	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
10	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
12	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
13	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
14	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
15	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
16	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
18	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
19	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
20	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
22	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
23	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
24	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
25	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
26	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
27	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
28	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
29	Banking Sector Outlook		x	Click
30	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
31	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
32	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
33	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
34	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
35	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
36	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
37	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
38	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
39	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
40	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
41	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
42	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
43	Fishery Outlook 2021		x	Click
44	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

http://www.bsc.com.vn

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639